



HỒI CẢNH NGƯỜI TRÊN ĐÀI VOA

Để nghe bài hồi cảnh, xin [Bấm vào đây](#)

Đây là chương trình Anh ngữ Sinh động-New Dynamic English-bài thứ 21.
Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả.

Sau đây chúng ta nghe chuyện cháu ông Larry bị đau bụng phải vào nhà thờ. Chuyện khó:

LOOK WORRIED=trông có vẻ lo âu.
GRANDSON=cháu trai
NURSE=y tá
HOSPITAL=bệnh viện.
STOMACH-ACHE=đau bụng
EMERGENCY ROOM=phòng cấp cứu.
SHE LEFT WORK=bà nghỉ việc đi làm.
THEY DON'T KNOW WHAT'S WRONG=họ không biết vì sao nó đau.
CONCERN=sự quan tâm, lo lắng.

CUT 1

Kathy: Larry, You look worried. What's wrong?

Larry: My grandson is in the hospital.

Kathy: What's the matter?

Larry: We don't know yet. Davis was....

Kathy: Your grandson?

Larry: That's right. David was at school, and he had a bad stomach-ache.

Kathy: What happened?

Larry: The teacher called the school nurse. And then they phoned my daughter at work. She left work and went to the school. David was feeling really bad, so they took him to the emergency room.

Kathy: At the hospital?

Larry: That's right.

Kathy: Is he going to be all right?

Larry: They think so, but they don't know what's wrong.

Kathy: Well if there's anything we can do, let us know.

Larry: Thanks. I will.

Max: I hope he's OK.

Larry: Oh, I'm sure he'll be fine. Thanks for your concern.

Eliz: Oh, hi there.

Max: Oh, hi Elizabeth. Have a good show.

Eliz: Thanks. See you later.

Larry: Alri-i-i-ght. Ready for Functioning in Business. Cue music. [đúng ra phải viết "All right"]

Vietnamese explanation

Sau đây là phần FUNCTIONING IN BUSINESS.

Bài học hôm nay là "Making an Appointment-Part 2; Xin hẹn gặp-phần 2" Quý vị học cách nói trong đời sống hàng ngày câu hỏi hẹn gặp. Chúng ta sẽ nghe ba người gặp nhau và thảo luận về họ và những người của họ. Đó là Charles Blake, làm cho hãng International Robotics; Michael Epstein, làm cho hãng Advanced Technologies, và Shirley Graham, cũng làm cho hãng Advanced Technologies.

Chú ý:

OFFICE=văn phòng.

FLIGHT=chuyến bay.

ON TIME=đúng giờ.

FREE=rảnh, trống.

I KEPT MY SCHEDULE FREE FOR TUESDAY AFTERNOON=tôi để thời gian của tôi trống vào chiều ba. Tôi dành buổi chiều ba [để gặp ông Blake].

KEEP MY SCHEDULE FREE=không hẹn ai.

EXPECT=đợi, đón chờ.

CUT 2

Eliz: On today's program I'll be talking with Michael Epstein. Mr. Epstein is speaking to us from his office in California. (tiếng điện thoại)

Eliz: Hello, Mr. Epstein. How are you?

Epstein: Fine, thank you.

Eliz: Today we are going to listen to your phone conversation with Mr. Blake. He called you just after he arrived in San Francisco.

Epstein: Yes, I remember.

Eliz: Were you expecting Mr. Blake's call?

Epstein: Yes, I was. I knew that he was arriving in San Francisco on Monday, June 10th. So I kept my schedule free for the following afternoon... Tuesday afternoon.

Eliz: Let's listen to the conversation.

Music

Vietnamese explanation

Trong phần này quý vị nghe ông Blake gọi điện thoại cho hãng Advanced Technologies để xin nói chuyện với ông Epstein. Chúng ta hãy nghe Ông Blake gọi cho hãng Advanced Technologies.

Chú ý:

I'LL PUT YOU THROUGH: (Nếu nhân viên điện thoại) tôi sẽ nối đường giây điện thoại cho ông.

Tiếng nói: I'll connect you.

ON THE LINE= đang chờ ở đầu kia máy điện thoại.

GET TOGETHER=gặp nhau.

FLIGHT=chuy n m y bay.

ARRANGE A MEETING, SET UP A MEETING = h n g p.

SOMETIME=m t l c n o đ .

FREE=r nh. HOW'S THAT SOUND? = HOW DOES THAT SOUND? = đ -ng  nh  v y đ  c kh ng?

CLOSE TO=g n. CLOSE TO MY OFFICE=g n v n ph ng c a t i.

[Ph n bi t v i c u đ  h c The STAIRS ARE CLOSED TO VISITORS= du kh ch kh ng đ  c ph p d ng c u thang.]

EMBASSY SUITES=t n m t kh ch s n. [suite=ph ng  n v  sang   kh ch s n]

CUT 3

Receptionist: Advanced Technologies. May I help you?

Blake: Yes, this is Charles Blake from International Robotics. I'd like to speak with Mike Epstein, please.

Receptionist: Just a minute and I'll put you through...

Epstein: Epstein...

Receptionist: Mr. Epstein. I have a Mr. Blake from International Robotics on the line. [c  m t  ng t n l  Blake c a h ng International Robotics-chuy n s n xu t m y t  đ ng thay ng  i-đ ng ch    đ u gi y]

Epstein: Okay, thanks...Mr. Blake!

Blake: Hello, Mr. Epstein. How are you?

Epstein: I'm fine, thanks. How are you?

Epstein: How was your trip?

Blake: I had a nice flight, and it was on time [đ ng gi ].

Epstein: When did you get in to San Francisco?

Blake: I just arrived a few moments ago [t i v a t i l c n y].

Epstein: Say, when shall we get together? [g p nhau]

Blake: Well, I was hoping that we could perhaps arrange a meeting for tomorrow sometime.

Epstein: Ah, I'll tell you what. I'm free [r nh] after eleven o'clock. How's that sound?

Blake: That sounds fine with me.

Epstein: Okay, uh, where are you staying?

Blake: I'm staying at the Embassy Suites. It's about twenty minutes south of the airport.

Epstein: Ah, that's real close to my office here.

I'll tell you what. I'll meet you tomorrow around 11:15.

Then we can go to lunch, and then I'll show you around San Francisco.

Blake: That sounds very nice.

Music

Vietnamese explanation

Trong phần VARIATIONS, quý vị nghe cách nói mới ý bằng hai cách. Xin mời quý vị lắng nghe.

CUT 4

Larry: Variations. Listen to these variations.

Larry: How are you? Eliz: How have you been? (pause)

Larry: I'm fine, thanks. How are you?

Eliz: Just fine, thanks. And you? (pause)

Larry: When did you get in to San Francisco?

Eliz: When did you arrive in San Francisco? (Pause)

Larry: I just arrived a few moments ago.

Eliz: I got here a few minutes ago. (Pause)

Music

Vietnamese explanation

Trong phần tiếp, Ông Epstein bàn chuyện với ông Blake.

AGENDA=chương trình thảo luận.

AN AGENDA ITEM=một điểm trong chương trình thảo luận.

DID YOU GO OVER THE AGENDA?= Bạn có xem lại những điểm trong chương trình thảo luận không?

I DROPPED HIM OFF AT HIS HOTEL= tôi lái xe đưa ông ấy về khách sạn của ông ta.

CONSIDERATE= ân cần, có ý tứ.

I WANT TO FILL HIM IN ON SOME OF THE DETAILS OF OUR PROJECT= Tôi muốn cho ông ta biết thêm những chi tiết của dự án của hãng tôi.

[Đ ng t  FILL IN=cho bi t thêm tin t c]

ITEM=đi u, đi m (th o lu n).

FORMAL MEETING=bu i h p chính th c.

SCHEDULE=v a là danh t  v a là đ ng t .

KEEP MY SCHEDULE FREE = không h n ai.

SCHEDULE A MEETING=s p x p m t bu i h p.

SCHEDULE A FORMAL MEETING=ch n ngày gi  h p chính th c.

IN AN INFORMAL SETTING=trong khung c nh thân m t.

CONFIRM=xác nh n.

GO FOR A DRIVE=lái xe đi đ o.

TAKE THE TIME=b  th i gi  ra.

CUT 5

Eliz: Mr. Epstein, let's talk about your conversation with Mr. Blake. You suggested that the two of you meet for lunch.

Epstein: Yes, I thought it would be a good idea for us to get together in an informal setting.

I wanted to fill him in on some of the details of our project... to build a new factory.

I didn't want to schedule a formal meeting until he had a chance to rest.

Eliz: That was very considerate. How about the agenda? Did you go over the agenda?

Epstein: Yes, of course. I confirmed with him the items he wanted to discuss at the meeting.

And how much time he needed.

Eliz: Right.

Epstein: Then we went for a nice drive around San Francisco. I dropped him off at his hotel, and then returned to my office.

Eliz: Thank you for taking the time to talk with us.

Epstein: Thank you for having me on your show.

Eliz: Let's take a short break.

Vietnamese explanation

Tr c h t, xin nghe m t câu h i, r i nghe m t m u đ m tho i trong đ o c  câu tr   i c a câu v a h i, r i nghe câu h i  i, v  tr   i khi nghe ti ng chuông.

CUT 6

Listen to the question. Eliz: Was his flight on time? (short pause)

Larry: Now listen to the dialog.

Blake: Hello, Mr. Epstein. How are you?

Epstein: I'm fine. How are you?

Blake: Great.

Epstein: How was your trip?

Blake: I had a nice flight, and it was on time.

Eliz: Was his flight on time? (ding) (pause for answer)

Eliz: Yes, it was. (short pause)

Larry: Listen to the question.

Eliz: When did he arrive in San Francisco? (short pause)

Larry: Now listen to the dialog.

Epstein: How was your trip?

Blake: I had a nice flight, and it was on time.

Epstein: When did you get in to San Francisco?

Blake: I just arrived a few moments ago.

Eliz: When did he arrive in San Francisco? (ding) (pause for answer)

Eliz: He arrived a few moments ago. (short pause)

Music

Vietnamese explanation

Quý vị vừa học xong bài 21 trong chương trình ANH NGỮ SINH ĐỘNG NEW DYNAMIC ENGLISH. Phạm Văn xin kính chào quý vị thịnh giã và xin hẹn gặp lại trong bài học tiếp.